

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2017/HC-PT

Ngày 21-9-2017

V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Phan Đức Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao
tại thành phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
72/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 4 năm 2017 về khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 23/02/2017 của
Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2017/QĐPT-HC ngày 05
tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lý Thành Q, sinh năm 1959, (có mặt).

Địa chỉ: Tổ M, ấp S, xã T, huyện T1, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Q: Luật sư Phạm Xuân
T3, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh. (có mặt).

Địa chỉ: đường Phạm Văn Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng
Tàu.

Người bị kiện:

1/Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng
Tàu:* Ông Nguyễn Thanh T4- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có
đơn xin xét xử vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 6259/ UBND-VP ngày 09/08/2016 của Chủ tịch
UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu: Ông Phan Văn M- Phó Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (có mặt).

(Theo giấy yêu cầu số 7288/ UBND-VP ngày 06/09/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu).

2/Ủy ban nhân dân huyện T1;

3/Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1;

Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện T1, thị trấn P, huyện T1.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1: Ông Hồ Văn P - Phó Chủ tịch UBND huyện T1 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện T1).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện T1:

Ông Trần Thế V - Phó Giám đốc Trung tâm PTQĐ huyện T1 (có mặt);

Ông Trần Văn H– Chuyên viên Phòng TNMT huyện T1 (có mặt);

Theo giấy yêu cầu số 3220/UBND-VP ngày 08/09/2016 của UBND huyện T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ban quản lý rừng Phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 153 đường 27/4, phường Phước Hiệp, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của trưởng Ban quản lý rừng Phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Ông Trần Văn L, Trưởng Trạm QLBRV T(có mặt). (Theo giấy ủy quyền ngày 06/09/2016 của BQL rừng Phòng hộ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu).

2/Ông Trần Văn H, Sinh năm: 1965, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T1, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người kháng cáo: Người khởi kiện Ông Lý Thành Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Người khởi kiện – Ông Lý Thành Q trình bày:

Năm 1983 Ông Lý Thành Q nhận chuyển nhượng của ông 10T diện tích đất rừng và đất ruộng muối khoảng 19 ha. Trong đó 14 ha đất rừng và 5 ha đất ruộng muối. Việc chuyển nhượng lập bằng giấy tay nhưng nay đã mất, khi chuyển nhượng, ông 10T không có giấy tờ gì về đất. Ông Q sử dụng liên tục từ năm 1983 nuôi tôm và làm muối, có đăng ký kê khai, đóng thuế cho diện tích 2,4 ha đất ruộng muối và 5,2 ha đất rừng, được Nhà nước cấp sổ thuế nông nghiệp gia đình số 779 ngày 20/5/1997, trong đó đất rừng 140.000m² và ruộng muối 50.000m², có làm chòi tạm trên đất để nuôi tôm. Năm 2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu có chủ trương thu hồi toàn bộ diện tích 6.197.000m² tại khu vực này để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú Mỹ II, nhưng không có Quyết định thu hồi đất cho cá nhân Ông Q mà chỉ có Quyết định số 3796/ QĐ- UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ số tiền là 173.950.520 đồng, trong đó, Ông Q được hỗ trợ là 123.884.120đ; ông Đỗ Văn H được hỗ trợ là 50.066.400đ. Ông Q đồng ý phần

hỗ trợ và bồi thường vật kiến trúc, hoa màu, nhưng phần hỗ trợ về đất thì không đồng ý, vì UBND huyện thu hồi của Ông Q là 36.017,8m² đất nhưng chỉ hỗ trợ 10.096,10m², trong khi Ông Q sử dụng diện tích là 19 ha. Ngoài ra, ngày 14/9/2007 UBND huyện T1 ban hành quyết định số 4505/QĐ-UBND v/v phê duyệt kinh phí bồi thường để Nhà nước đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Phú Mỹ II (đợt 3) và hỗ trợ bồi thường cho ông Trần Văn H theo diện tích đất thu hồi 118.363,70m² với số tiền là 590.000.000đ. Diện tích đất 118.363,70m² thuộc một phần trong 19ha đất của Ông Q nhưng lại hỗ trợ cho ông Hòa là không đúng.

Ông Q không biết thông tin và không nhận được thông báo về việc ký hợp đồng khoán nhận trồng rừng với Ban quản lý rừng phòng hộ để ký hợp đồng nhận khoán trồng rừng. Tại thời điểm kiểm kê đất, Ông Q đang tranh chấp với ông Trần Văn H, nên mặc dù biết thông báo của Ban đền bù giải tỏa về việc kiểm kê bồi thường nhưng Ông Q không đến nên không biết để khiếu nại từ thời điểm này.

Ngày 25/4/2008 Ủy ban nhân dân huyện T1 ban hành Quyết định số 3769/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho hộ Ông Q để thu hồi đất với mục đích xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN Phú Mỹ II (đợt 5) với số tiền hỗ trợ là 173.950.520đ. Trong đó, Ông Q được hỗ trợ là 123.884.120đ; ông Đỗ Văn H được hỗ trợ là 50.066.400đ. Không đồng ý với quyết định này, Ông Q làm đơn khiếu nại.

Ngày 18/10/2012 Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 8098/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 8098/QĐ- UBND) về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Ông Lý Thành Q đối với quyết định số 3769/QĐ-UBND với nội dung giữ nguyên nội dung quyết định số 3769/QĐ- UBND của UBND huyện T1 nêu trên. Ông Lý Thành Q tiếp tục khiếu nại.

Ngày 12/5/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1124/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại (lần hai) của Ông Q đối với quyết định số 3769/QĐ- UBND (gọi là Quyết định 1124/QĐ- UBND) với nội dung bác đơn khiếu nại của Ông Q về việc yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích còn thiếu khoảng 11.8 ha cho gia đình Ông Q.

Ông Q yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 3769/QĐ-UBND; Quyết định số 8098/QĐ-UBND và Quyết định số 1124/QĐ-UBND nêu trên, để được bồi thường, hỗ trợ bổ sung diện tích còn thiếu khoảng 11.8 ha cho gia đình Ông Q.

-Đại diện người bị kiện - Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và UBND huyện T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 trình bày:

Ngày 8/9/2006 UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành quyết định số 2694/ QĐ-UBND v/v thu hồi 6.167.000m² đất tại thị trấn Phú Mỹ để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật KCN Phú Mỹ II. Ngày 11/12/2007 UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ban hành văn bản 8242/UBND-VP về việc quy định hỗ trợ đất nông nghiệp (đất rừng phòng hộ, đất khu vực quy hoạch kho bãi 600 ha sử dụng vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp tại huyện T1. Trên cơ sở đó, ngày 24/5/2008 UBND huyện T1 ban hành Quyết định số 3769/QĐ - UBND phê duyệt kinh phí

bồi thường, hỗ trợ cho Ông Q diện tích 36.017,8 m² đất nông nghiệp và bồi thường vật kiến trúc khác với số tiền là 173.950.520 đồng. (Trong đó gia đình Ông Q được bồi thường và hỗ trợ với số tiền là 123.884.120đ đồng; ông Đỗ Văn H được bồi thường, hỗ trợ là 50.066.400đ). Không ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ Ông Q, vì đất thu hồi là đất rừng phòng hộ, nên chỉ hỗ trợ về hoa màu, vật kiến trúc và diện tích đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp và là nguồn sống chính.

UBND huyện T1 xác định đất thu hồi là của Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý. Ông Q trực tiếp sản xuất đối với diện tích khoảng 10.096,10m² nên chỉ được bồi thường hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ về đất đối với diện tích đất này. Diện tích đất còn lại Ông Q không sử dụng, không có hợp đồng khoán nên không được hỗ trợ. Quyết định số 3769/QĐ- UBND, UBND huyện T1 thu hồi 36.017,8m² đất và không liên quan đến diện tích 11,8ha mà Ông Q cho rằng của mình. Do vậy Ông Q yêu cầu bồi thường diện tích 11,8 ha đất nông nghiệp cho gia đình Ông Q là không có cơ sở giải quyết.

Việc ban hành Quyết định số 3769/QĐ- UBND là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc hỗ trợ cho gia đình Ông Q số tiền 173.950.520đ là thỏa đáng. Sau đó Chủ tịch UBND huyện T1 ban hành quyết định số 8098/QĐ - UBND và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định số 1124/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của Ông Q đối với quyết định số 3769/QĐ-UBND là phù hợp. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Ông Q.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ban quản lý rừng Phòng hộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trình bày:

Theo hồ sơ được lưu trữ tại Ban quản lý rừng phòng hộ thì trường hợp hộ ông Trần Văn H có ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng số 244/ ngày 06/08/1997 đối với diện tích 11,8ha thuộc lô 2b,3 khoảnh IV (theo đơn xin xác nhận khoán đất lâm nghiệp để quản lý bảo vệ và phát triển rừng của ông H lập ngày 10/7/197 và biên bản giao nhận khoán đất lâm nghiệp ngoài thực địa ngày 06/8/1997).

Đối với Ông Lý Thành Q, mặc dù Ban quản lý rừng phòng hộ có thông báo, nhưng Ông Q không có đơn đăng ký trồng rừng nên không ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng. Việc Ông Q sử dụng đất rừng phòng hộ đã có văn bản của UBND xã T, huyện T1 xử phạt hành chính về hành vi chặt phá rừng. Hiện nay, phần diện tích 19ha đất Ông Q khởi kiện không thể đo đạc để xác định được ranh giới đất do khu đất này bị san lấp để làm khu công nghiệp.

-Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 23/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lý Thành Q đối với Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 25/4/2008 của UBND huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ Ông Lý Thành Q để xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật KCN Phú Mỹ II (đợt 5); Quyết định số 8098/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện T1 (lần đầu) và Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (lần hai) v/v giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 25/4/2008 của UBND huyện T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/3/2017, người khởi kiện Ông Lý Thành Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lý Thành Q cho rằng diện tích đất 19ha do Ông Q mua của ông Thôi, khi mua thì chỉ nhắm chừng ước lượng diện tích chứ không đo đạc được thực tế, hiện nay ranh giới cũng không còn. Trong quá trình sử dụng đất, Ông Q đóng thuế 7,6ha (gồm diện tích đất dùng là 5,2ha, diện tích đất làm muối 2,4ha). Khi ông H được giao đất do ký hợp đồng giao khoán với Ban quản lý 595, thì Ông Q không biết, Ông Q cũng không biết từ năm 1999 ông H trồng cây được nên không tranh chấp với ông H, mà mãi đến năm 2007 khi có Nhà nước chủ trương thu hồi đất làm dự án Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Phú Mỹ II thì Ông Q mới biết đất của Ông Q bị ông H chiếm 11,8ha để trồng được, khi này được đã lớn. Ông Q xác định việc Ủy ban nhân dân huyện T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 25/4/2008, Quyết định số 8098/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 và quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 là xâm phạm đến quyền lợi của Ông Q. Do đó, Ông Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của Ông Q, tuyên hủy các quyết định này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Lý Thành Q cho rằng từ lúc thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ chưa có bất cứ văn bản nào thu hồi đất của gia đình Ông Q, chưa có văn bản giao đất để trồng rừng phòng hộ, nên nói đất của rừng phòng hộ là chưa đúng. Theo quy định pháp Luật về đất đai thì đất sử dụng liên tục không tranh chấp thì được Nhà nước bảo vệ. Việc Ông Q có kê khai hay không đều không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ông Q. Ông Q đã nộp thuế đầy đủ diện tích đất 19 héc-ta và có giấy nộp thuế từ những năm 1993 đến năm 2002, nên Nhà nước phải công nhận diện tích đất của Ông Q được bồi thường. Ông Q chưa nhận được văn bản nào chứng minh đã thông báo cho Ông Q phải kê khai diện tích đất được sử dụng. Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T1 đã bồi thường cho Ông Q một phần, nhưng chưa đủ theo diện tích đất Ông Q sử dụng thực tế. Vụ án này có liên quan đến Quyết định 2694/QĐ-UBND ngày 08/9/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Quyết định 4505/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện T1 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất của ông Trần Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử đưa Quyết định số 2694 và Quyết định số 4505 nêu trên vào xem xét giải quyết trong cùng vụ án này để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Ông Q.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Thực tế Ban quản lý rừng phòng hộ và Ủy ban nhân dân xã đã thông báo rộng rãi cho nhân dân trong đó có Ông Q và ông H để làm thủ tục xin xác nhận nhận khoán đất rừng theo quy định. Ông H đã làm các thủ tục này

và đã ký hợp đồng giao khoán quản lý đất rừng phòng hộ với Ban quản lý dự án 595, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ngày 06/8/1997. Theo trình bày của Ông Q thì Ông Q không biết ông H trồng được vào năm 1999, không biết Ban quản lý dự án 595 giao đất cho ông H, mà đến khi Nhà nước thu hồi đất có bồi thường thì Ông Q mới khiếu nại. Do đó có căn cứ xác định Ông Q không sử dụng diện tích đất 11,8ha, mà diện tích này ông H được giao khoán. Tuy nhiên, theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, thì chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ các chứng cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 3 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng Quyết định 2694/QĐ-UBND ngày 08/9/2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định 4505/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện T1 vào xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Luật sư, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Q khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3769/QĐ -UBND ngày 25/4/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T1, Quyết định số 8098/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Các quyết định này đã giải quyết và bác khiếu nại của Ông Q về việc yêu cầu bồi thường 11,8ha đất do ông H được bồi thường. Tuy nhiên, diện tích đất này đã được Quyết định số 4505 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết bồi thường cho ông H. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Quyết định số 4505 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào để xem xét, giải quyết trong cùng một vụ án là thiếu sót.

[2] Các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập như: Thực tế diện tích đất giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ là bao nhiêu, có bao gồm diện tích đất 11,8ha mà Ông Q cho rằng thuộc quyền sử dụng của Ông Q và phải xem xét bồi thường cho Ông Q hay không? Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập bản đồ do các cơ quan có thẩm quyền đo vẽ về diện tích đất giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ để xác định thực tế ranh giới như thế nào.

[3] Như vậy, trường hợp này Tòa án cần phải thu thập các chứng cứ mới quan trọng nêu trên mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục ngay được. Do đó Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Ông Lý Thành Q không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Lý Thành Q.

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 23/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữa người khởi kiện là Ông Lý Thành Q; người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T1 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Thành Q không phải chịu. Trả lại cho Ông Q số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02264 ngày 09/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh(1);
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT(1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT(1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR-VT(1);
- Người khởi kiện(1);
- Người bị kiện(3);
- Người liên quan(2);
- Lưu hồ sơ(1),VP(3),13b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Ngọc Huynh